

ÔN TẬP BÀI 4 - CHỦ ĐỀ F

Các kiểu dữ liệu số và câu lệnh vào ra đơn giản

2. NNLT bậc cao cho phép sử dụng các biến kiểu dữ liệu số nào?

- | | | | |
|----------------------------|-------------|----------------------------|-----------|
| ☐ A | Số thực | ☐ B | Số nguyên |
| ☐ C | Số tự nhiên | ☐ D | Số hữu tỉ |

3. Câu lệnh nào của Python để cho biết kiểu dữ liệu của biến hay biểu thức?

- | | | | |
|----------------------------|--------|----------------------------|-----------------------|
| ☐ A | Print | ☐ B | Không có câu lệnh nào |
| ☐ C | Printf | ☐ D | Type |

4. Cho đoạn lệnh sau:
`a = 5.0`
`print(type(a))`
Em hãy cho biết kiểu dữ liệu nào được in ra màn hình?

- | | | | |
|----------------------------|-------|----------------------------|--------|
| ☐ A | float | ☐ B | double |
| ☐ C | int | ☐ D | char |

5. Cho đoạn lệnh sau:
`a = 20`
`b = 5`
`print(type(a//b))`
Em hãy cho biết kiểu dữ liệu nào được in ra màn hình?

- | | | | |
|----------------------------|--------|----------------------------|-------|
| ☐ A | double | ☐ B | int |
| ☐ C | char | ☐ D | float |

6. Cho đoạn lệnh sau:

```
a = 20
```

```
d = 3
```

```
print (type (a % d))
```

Em hãy cho biết kiểu dữ liệu nào được in ra màn hình?

- | | | | |
|----------------------------|--------|----------------------------|-------|
| ☐ A | int | ☐ B | char |
| ☐ C | double | ☐ D | float |

7. Câu lệnh dùng để nhập giá trị cho 1 biến vào từ bàn phím có dạng:

- | | | | |
|----------------------------|---------------------------------|----------------------------|----------------------------------|
| ☐ A | biến = input (dòng thông báo) | ☐ B | biến = input (giá trị cần in ra) |
| ☐ C | biến = input (giá trị của biến) | ☐ D | biến = input (giá trị của hằng) |

8. Trong câu lệnh dùng để nhập giá trị cho 1 biến vào từ bàn phím, *dòng thông báo* dùng để:

- | | | | |
|----------------------------|---------------------------------------|----------------------------|---|
| ☐ A | Nhắc người dùng những lệnh liên trước | ☐ B | Nhắc người dùng những lệnh liên sau |
| ☐ C | Nhắc người dùng biết cần nhập gì | ☐ D | Chỉ là 1 dòng thông báo bình thường, không có tác dụng gì |

9. Trong câu lệnh dùng để nhập giá trị cho 1 biến vào từ bàn phím, *dòng thông báo* có bắt buộc phải có không?

- | | | | |
|----------------------------|-------|----------------------------|----|
| ☐ A | Không | ☐ B | Có |
|----------------------------|-------|----------------------------|----|

10. Nếu chỉ dùng câu lệnh
biến = input(dòng thông báo)
thì dữ liệu nhập vào được hiểu là kiểu dữ liệu gì?

- | | | | |
|----------------------------|-----------|----------------------------|-----------------------|
| ☐ A | Xâu | ☐ B | Không có kiểu dữ liệu |
| ☐ C | Số nguyên | ☐ D | Số thực |

11. Để chuyển kiểu dữ liệu *xâu ký tự* sang *dạng số nguyên* ta dùng lệnh

- | | | | |
|----------------------------|---------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------|
| ☐ A | Không có cách chuyển | ☐ B | biến = input (dòng thông báo) |
| ☐ C | biến = float (input (dòng thông báo)) | ☐ D | biến = int (input (dòng thông báo)) |

12. Để xuất dữ liệu ra màn hình, ta dùng lệnh:

- | | | | |
|----------------------------|-----------------------------|----------------------------|-------------------------------|
| ☐ A | write (danh sách biểu thức) | ☐ B | writeln (danh sách biểu thức) |
| ☐ C | print (danh sách biểu thức) | ☐ D | printf (danh sách biểu thức) |

13. HẲNG là gì?

- | | | | |
|----------------------------|-------------------------------|----------------------------|--|
| ☐ A | Là biến số | ☐ B | Là biến số có giá trị thay đổi được |
| ☐ C | Là biến số có giá trị cố định | ☐ D | Là biến số có giá trị cố định và không thay đổi được |

14. Xét bài 1 trang 67, để nhập dữ liệu cho biến b ta dùng câu lệnh nào?

☐ A `b = float(input("Nhập b: "))`

☐ B `b = int(input("Nhập b: "))`

☐ C `b = input("Nhập b: ")`

☐ D `b = input('Nhập b: ')`

15. Xét bài 1 trang 67, để đưa ra màn hình dòng thông báo "Diện tích tam giác: 6.0", ta dùng câu lệnh nào?

☐ A `print(Diện tích tam giác: 6.0)`

☐ B `print("Diện tích tam giác: ", b*c/2)`

☐ C `print('Diện tích tam giác: 6.0')`

☐ D `print("Diện tích tam giác: 6.0")`

16. Xét bài 1 trang 67, ta cần thêm câu lệnh nào vào đoạn chương trình sau đây để có thể in ra màn hình giá trị diện tích của hình tam giác?

```
b = int(input("Nhập b: "))
```

```
.....
```

```
print("Diện tích của tam giác: ",b*c/2)
```

☐ A `c = float(input("Nhập c: "))`

☐ B `c = int(input("Nhập c: "))`

☐ C `int(input("Nhập c: "))`

☐ D `print(Độ dài cạnh huyền: 6.0)`

17. Xét bài 2 trang 67, để nhập số lượng học sinh, em dùng câu lệnh nào?

☐ A `n = print('Số học sinh: ')`

☐ B `n = int(input('Số học sinh: '))`

☐ C `n = input('Số học sinh: ')`

☐ D `n = float(input('Số học sinh: '))`

18. Xét bài 2 trang 67, để in ra màn hình số phần mỗi học sinh được chia, em dùng câu lệnh nào?

☐ A `print('Mỗi học sinh được chia', n//k,'quả phần')`

☐ B `print('Mỗi học sinh được chia', k%n,'quả phần')`

☐ C `print('Mỗi học sinh được chia', k//n,'quả phần')`

☐ D `print('Mỗi học sinh được chia 3 quả phần')`

19. Bài học gồm mấy phần chính?

☐ A 4

☐ B 3

☐ C 1

☐ D 2

20. Qua bài học này, ta học được bao nhiêu câu lệnh

☐ A 3

☐ B 2

☐ C 4

☐ D 1

